



LƯU THU THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ - NGÔ VŨ THU HẰNG - TRẦN THỊ TỔ OANH

VỞ BÀI TẬP

Đạo đức

1



Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

LƯU THU THUYẾT (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ - NGÔ VŨ THU HẰNG - TRẦN THỊ TỐ OANH

VỎ BÀI TẬP

Đạo đức

1

(Tái bản lần thứ nhất)

Cánh Diều



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 1 yêu quý!

Cùng với sách giáo khoa Đạo đức 1, cuốn vở bài tập Đạo đức 1 này sẽ đồng hành với các em suốt năm học lớp 1.

Vở bài tập Đạo đức 1 có nhiều bài tập đa dạng, giúp các em thực hiện các hoạt động học tập môn Đạo đức ở trên lớp một cách sinh động, vui vẻ.

Các em có thể thực hiện nhiều hoạt động tương tác với cuốn vở nhỏ này như:


- Vẽ thiệp chúc mừng, vẽ tranh;
- Đặt và ghi tên cho tranh;
- Nối tranh, nối các ô chữ;
- Sắp xếp lại thứ tự các tranh;
- Vẽ hoặc tô màu vào hình trái tim, hình bông hoa, hình mặt cười, mặt mếu... dưới các tranh ảnh, trước các ý kiến... để bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối của em;
- Đánh dấu vào ô trống hay khoanh tròn vào chữ cái trước cách ứng xử mà em muốn lựa chọn.
- ...

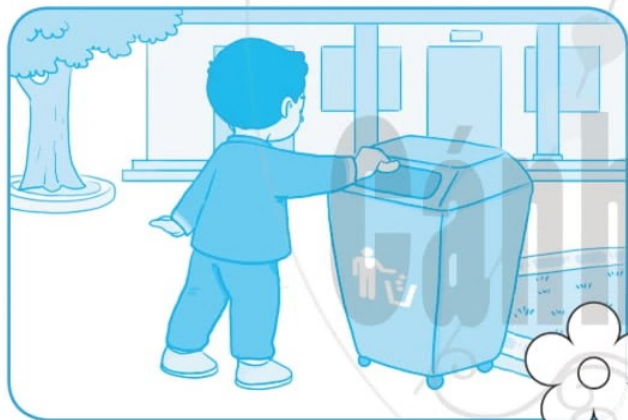
Các em hãy lắng nghe thầy cô giáo hướng dẫn cách thực hiện các dạng bài tập và hoàn thành tốt các bài tập nhé!

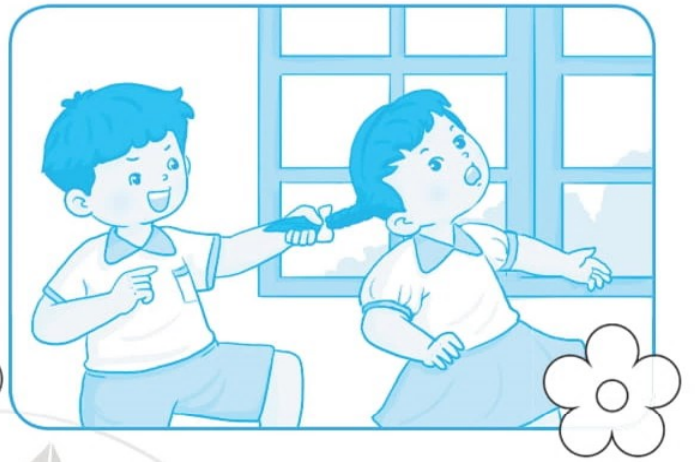
Chúc các em thành công!

Các tác giả

Bài 1 EM VỚI NỘI QUY TRƯỜNG, LỚP

Bài tập 1. Tô màu vào  ở góc những tranh vẽ: màu xanh nếu bạn trong tranh thực hiện đúng nội quy trường, lớp; màu đỏ nếu bạn chưa thực hiện.





Bài tập 2. Khoanh tròn vào chữ cái trước việc làm phù hợp nhất.

Khi em thấy bạn chưa thực hiện nội quy, em sẽ:

- a. Mắc bạn.
- b. Mách thầy cô giáo.
- c. Khuyên bạn.
- d. Làm theo bạn.
- e. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách đó.

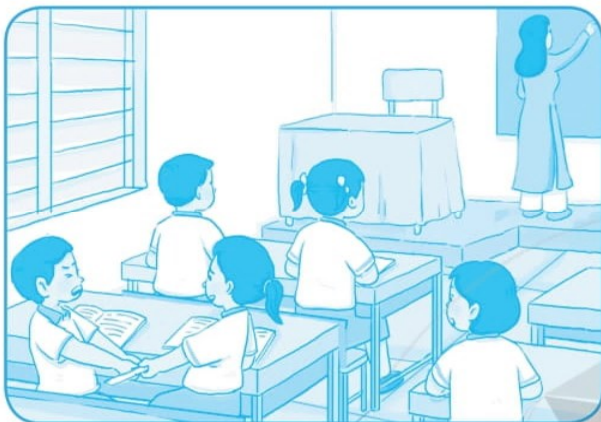
Bài tập 3. Vẽ ☺ vào trước những ích lợi của việc thực hiện nội quy.

- a. Học sinh yêu trường, lớp hơn.
- b. Học sinh học tập và tham gia các hoạt động khác thuận lợi hơn.
- c. Học sinh mau tiến bộ hơn.
- d. Học sinh được vui chơi nhiều hơn.
- e. Trường, lớp sạch, đẹp hơn.
- g. Các hoạt động của nhà trường, lớp học nề nếp, hiệu quả hơn.
- h. Ích lợi khác: ...

Bài tập 4.

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước cách ứng xử phù hợp nhất trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1 Em sẽ làm gì khi thấy bạn đùa nghịch trong giờ học?



- a. Nhắc nhở bạn.
- b. Mách thầy cô giáo.
- c. Cỗ vũ cho trò nghịch của bạn.
- d. Cùng đùa nghịch với bạn.
- e. Cách khác: ...

Hãy giải thích lí do vì sao em chọn cách đó.

Tình huống 2 Giờ ra chơi, Lan lấy bánh ăn nhưng chưa biết bỏ giấy gói bánh ở đâu. Nếu là Lan, em sẽ:



- a. Vứt giấy gói bánh xuống sân trường.
- b. Vứt vào dưới gốc cây hoặc khóm hoa ở sân trường.
- c. Bỏ vào thùng rác.
- d. Vứt xuống cống thoát nước.
- e. Cách khác: ...

Hãy giải thích lí do vì sao em chọn cách đó.

Bài tập 5. Hãy tự đánh giá việc em thực hiện nội quy trong tuần vừa qua bằng cách vẽ một ☼ vào ô tương ứng trong bảng dưới đây:

Nội quy	Đã thực hiện
1) Đi học đúng giờ	
2) Trật tự khi nghe giảng bài	
3) Hăng hái phát biểu ý kiến	
4) Hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao	
5) Lễ phép với thầy cô giáo	
6) Đoàn kết, giúp đỡ bạn bè	

7) Giữ vệ sinh trường, lớp	
8) Bảo vệ của công	
9) ...	
10) ...	

Bài tập 6. Em hãy cùng các bạn trong lớp thể hiện quyết tâm thực hiện nội quy.

Có thể bằng một trong các cách sau:

- Giơ cao cánh tay và đồng thanh hô: “Cam kết!” hoặc “Quyết tâm!”.
- Vỗ tay.
- Ấn hình bàn tay hoặc ngón tay cái có mực màu lên xung quanh bản nội quy.
- Viết tên hoặc vẽ một biểu tượng của mình lên xung quanh bản nội quy.
- ...

Bài tập 7. Thực hành cùng các bạn:

- a. Tập xếp hàng trật tự, ngay ngắn khi ra, vào lớp.
- b. Tập đứng dậy chào khi thầy cô giáo ra, vào lớp.
- c. Đi quan sát xung quanh trường, xác định vị trí: phòng hiệu trưởng, phòng họp của các thầy cô giáo, thư viện trường, phòng y tế, nhà vệ sinh, thùng rác,... để tìm đến khi cần thiết.

Bài tập 8. Điền mỗi từ đã cho vào một chỗ ... trong các câu dưới đây cho phù hợp.

Từ: *trách nhiệm (1), bạn bè (2), nội quy (3), học sinh (4)*

- a. Nội quy lớp học là những quy định để giúp tiến bộ.
- b. Em cần thực hiện và nhắc nhở cùng thực hiện.
- c. Thực hiện nội quy trường, lớp là của học sinh.

Bài 2 GỌN GÀNG, NGĂN NẮP

Bài tập 1. Hãy vẽ hình 😊 dưới tranh vẽ căn phòng em thích và giải thích lí do.



Bài tập 2. Khoanh tròn vào hình các đồ vật em cần chuẩn bị trước khi đi học.



Bài tập 3. Dựa vào nội dung câu chuyện “Chuyện của bạn Minh” SGK Đạo đức 1, trang 8, em hãy đánh dấu ✓ vào trước những ý kiến em tán thành.

Minh đi học muộn vì:

a. Thức dậy không đúng giờ.

- b. Xe của bố mẹ bị hỏng trên đường đi.
- c. Không tìm thấy sách vở.
- d. Không tìm thấy cặp sách.
- e. Chưa gọn gàng, ngăn nắp.

Bài tập 4. Em hãy nối những ý ở cột bên trái với ô chữ “Lợi ích của sống gọn gàng, ngăn nắp” cho phù hợp:

- 1) Có nhiều thời gian để vui chơi.
- 2) Được mọi người khen ngợi.
- 3) Giữ đồ dùng bền đẹp.
- 4) Tiết kiệm thời gian.
- 5) Tìm được đồ vật nhanh chóng.
- 6) Nhà cửa thêm sạch đẹp.
- 7) Có nhiều bạn mới.

Lợi ích của sống
gọn gàng, ngăn nắp

Bài tập 5. Em hãy đánh dấu dưới những tranh thể hiện sống gọn gàng, ngăn nắp.



Giải thích tại sao em lại chọn cách đó.

Bài tập 6. Hãy vẽ 😊 dưới những tranh vẽ bạn gọn gàng, ngăn nắp và ☹️ dưới những tranh vẽ bạn chưa gọn gàng, ngăn nắp.



Em thích bạn nào và giải thích lí do.






Bài tập 7. Em hãy nối hình vẽ mỗi đồ vật trong tranh với vị trí phù hợp để căn phòng trở nên gọn gàng hơn.



Hãy giải thích với bạn vì sao cần sắp xếp lại đồ vật trong phòng? Em hãy đề nghị bạn nhận xét cách sắp xếp phòng.

Bài tập 8. Tự liên hệ

Em hãy đánh dấu + vào cột những việc đã làm và dấu - vào cột những việc chưa làm để nơi ở, nơi học gọn gàng, ngăn nắp.

Việc làm	Đã làm	Chưa làm
		
		
		
		
		

Bài tập 9.

Câu 1. Em hãy đánh số thứ tự các tranh theo trình tự gấp tất.



Câu 2. Em hãy đánh số thứ tự các tranh theo trình tự gấp áo đúng.



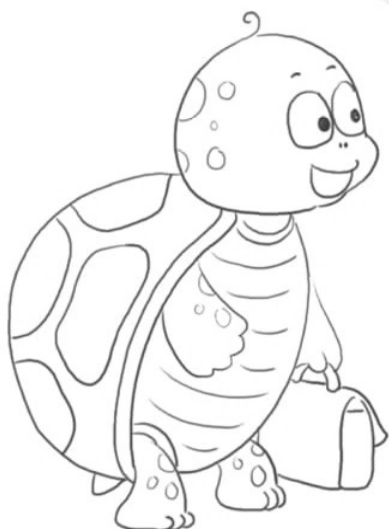
Bài tập 10. Tự đánh giá

Em hãy vẽ một ★ vào ô tương ứng sau mỗi ngày làm được các việc để giữ gọn gàng, ngăn nắp trong bảng dưới đây:

Việc làm	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
1) Gấp quần áo							
2) Xếp góc học tập							
3) Xếp cặp sách							
4) Xếp đồ chơi							
5) ...							

Bài 3 HỌC TẬP, SINH HOẠT ĐÚNG GIỜ

Bài tập 1. Hãy tô màu vào tranh vẽ bạn đi học đúng giờ trong truyện “Thỏ và Rùa”.

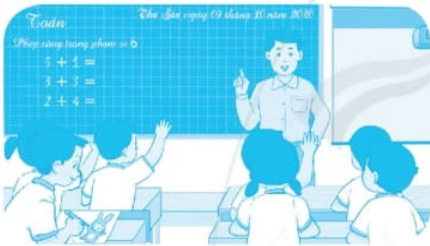


Bài tập 2. Dựa vào nội dung câu chuyện “Thỏ và Rùa” SGK Đạo đức 1, trang 13, em hãy đánh dấu \checkmark vào \square trước câu trả lời phù hợp.

Bạn đi học đúng giờ vì:

- a. Có đôi chân dài.
- b. Thức dậy đúng giờ.
- c. Không chơi la cà dọc đường.
- d. Sợ mẹ mắng.

Bài tập 3. Nối các tranh dưới đây với ô chữ *Đúng giờ* và *Không đúng giờ* cho phù hợp.



Bài tập 4. Hãy đánh dấu + vào \square trước những tác hại của hành vi không đúng giờ của bạn trong mỗi tranh dưới đây:



- a. Làm phiền các bạn trong lớp.
- b. Làm phiền cô giáo đang dạy học.

- c. Không được nghe cô giảng bài.
- d. Không phải thức dậy sớm.
- e. Tác hại khác: ...



- a. Không hiểu bài vì ngủ gật.
- b. Làm mất thời gian của các bạn và thầy cô.
- c. Tranh thủ ngủ cho đỡ mệt.
- d. Các bạn trong lớp được nghỉ giải lao.
- e. Tác hại khác: ...



- a. Các bạn phải chờ đợi trên xe.
- b. Bắt được con chuồn chuồn yêu thích.
- c. Được chơi thêm một lúc.
- d. Mọi người mệt mỏi, khó chịu do phải chờ đợi.
- e. Tác hại khác: ...

Bài tập 5. Khoanh tròn vào chữ cái trước những cách thực hiện đúng giờ.



Em sẽ lựa chọn cách đúng giờ nào? Vì sao?

- a. Nhờ bố mẹ gọi dậy.
- b. Đặt đồng hồ báo thức.
- c. Viết/vẽ phiếu nhắc việc.
- d. Nhờ người lớn nhắc việc.
- e. Nhờ bạn đến rủ đi học cùng.
- g. Tác hại khác: ...


Bài tập 6. Hãy vẽ 😊 dưới những tranh vẽ bạn đã học tập và sinh hoạt đúng giờ, ☹️ dưới những tranh vẽ bạn học tập và sinh hoạt chưa đúng giờ.









Em sẽ khuyên những bạn học tập và sinh hoạt chưa đúng giờ như thế nào?

Bài tập 7. Thực hành:

- Nói lời nhờ bố mẹ đánh thức đi học.
- Cách đặt chuông đồng hồ báo thức.

Bài tập 8. Em hãy tô màu vào  tương ứng với những hoạt động em đã thực hiện đúng giờ.

Việc làm đúng giờ	Đã thực hiện
1) Đi học	
2) Ăn	
3) Ngủ	
4) Vui chơi, giải trí	
5) Xem ti vi	
6)	

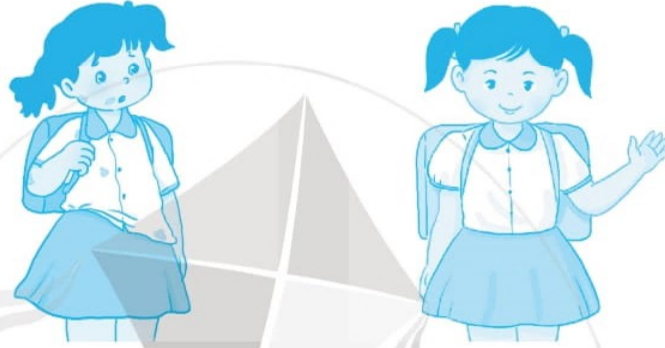
Bài tập 9. Tự đánh giá

Em hãy thả lá vào “Giỏ việc tốt” hoặc vẽ ★ vào ô tương ứng trong bảng dưới đây sau một ngày học tập, sinh hoạt đúng giờ:

Việc làm đúng giờ	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
1) Đi học							
2) Ăn							
3) Ngủ							
4) Vui chơi, giải trí							
5) Xem ti vi							
6)							

Bài 4 SẠCH SẼ, GỌN GÀNG

Bài tập 1. Vẽ 😊 hoặc ☹️ dưới mỗi bức tranh:



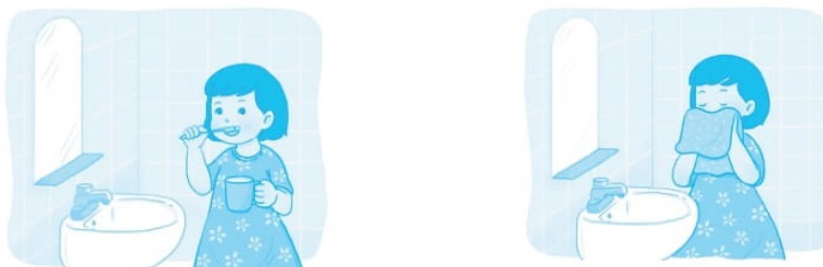
Vì sao em lại có lựa chọn như vậy?

Bài tập 2. Nối các hình xung quanh với hình tròn ở giữa sao cho phù hợp:



Giải thích vì sao em lại có những lựa chọn như vậy.

Bài tập 3. Quan sát tranh và nêu những việc làm để sạch sẽ, gọn gàng:






Em còn biết những việc làm nào khác để sạch sẽ, gọn gàng?

Bài tập 4. Điền X vào dưới hình vẽ thể hiện việc không nên làm:








Giải thích vì sao em lại có những lựa chọn như vậy.

Bài tập 5. Em hãy tô màu vào  trước cách ứng xử phù hợp cho mỗi tình huống dưới đây:






Tình huống 1



-  a. Em sẽ trêu chọc bạn.
-  b. Em sẽ xin bạn ăn cùng.
-  c. Em sẽ đưa khăn cho bạn lau.
-  d. Em khuyên bạn không nên vừa đi vừa ăn và bôi tay bẩn lên áo.
-  e. Cách xử lí khác: ...

Giải thích vì sao em lại lựa chọn cách xử lí đó.



-  a. Em không nói gì.
-  b. Em nói: “Mặc kệ em!”.
-  c. Em quay vào nhà và chải tóc gọn gàng.
-  d. Em nhờ chị chải tóc cho mình.
-  e. Cách xử lý khác: ...

Giải thích vì sao em lại lựa chọn cách xử lý đó.

Bài tập 6. Thực hành:

- a. Chải tóc.
- b. Buộc dây giày.
- c. Bấm móng tay.

Em hãy nêu cách làm đối với mỗi hoạt động trên.

Bài tập 7. Em hãy vẽ 😊 vào mỗi việc em thường xuyên làm để sạch sẽ, gọn gàng:

Việc làm	Đã thực hiện
1) Tắm	
2) Cắt móng tay	
3) Đánh răng	
4) Rửa mặt	
5) Thay quần áo	
6) Gội đầu	
7) Rửa tay	
8) Rửa chân	
9) Việc khác: ...	

Bài tập 8. Điền từ thích hợp vào chỗ ... cho phù hợp.

Các từ: *đáng yêu (1), gọn gàng (2).*

Quần áo, đầu tóc

Thơm tho, sạch sẽ, em càng

Bài 5 CHĂM SÓC BẢN THÂN KHI BỊ ỒM

Bài tập 1. Cùng các bạn đóng vai tiểu phẩm “Bạn Na bị ốm”, dựa theo truyện tranh cùng tên ở SGK Đạo đức 1, trang 24.

Bài tập 2. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời phù hợp nhất.

Câu 1. Trong giờ học, bạn Na thấy cơ thể có biểu hiện gì khác thường?

- a. Mệt.
- b. Buồn ngủ.
- c. Đau mắt.
- d. Đau chân do ngã.

Câu 2. Bạn Na đã làm gì khi bị ốm ở lớp?

- a. Im lặng, không làm gì cả.
- b. Nói với bạn.
- c. Nói với cô giáo.
- d. Nằm gục xuống bàn.

Câu 3. Việc làm ấy đã giúp ích gì cho bạn Na?

- a. Không giúp ích gì.
- b. Được bố mẹ đón về sớm.
- c. Được nghỉ học mấy ngày.
- d. Được chăm sóc và chữa trị kịp thời nên mau khỏi ốm.

Bài tập 3. Hãy nối các tranh thể hiện các biểu hiện của cơ thể khi bị ốm với ô chữ “Biểu hiện của cơ thể khi ốm” cho phù hợp.



BIỂU HIỆN CỦA CƠ THỂ KHI ỒM



Bài tập 4. Hãy nối những ô chữ ở cột trái với hai ô chữ ở cột phải cho phù hợp.

Nói ngay với cha mẹ, thầy cô giáo và người thân

Khi đi khám bệnh, cần kể với bác sĩ: em bị đau ở đâu, đau như thế nào, trước đó em đã ăn, uống những gì,...

Tự lấy thuốc uống

Ăn quả xanh, uống nước lã hoặc nước đá lạnh

Uống thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ, cha mẹ

Đi tắm ở sông, hồ, ao

Đá bóng giữa trưa hè

Chườm khăn ấm nếu bị sốt

Nằm nghỉ ngơi

VIỆC CẦN LÀM KHI BỊ ỒM

VIỆC CẦN TRÁNH KHI BỊ ỒM

Giải thích vì sao em lại chọn như vậy.

Bài tập 5. Vẽ ☺ trước cách ứng xử em chọn nếu là bạn trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



Lan đang ở nhà một mình thì bị sốt và đau đầu. Nếu là Lan, em sẽ:

- a. Đi chơi.
- b. Gọi điện thoại báo với bố mẹ và nằm nghỉ.
- c. Lấy thuốc uống.
- d. Đi tắm.
- e. Cách khác: ...

Hãy giải thích vì sao em lại chọn cách đó.

Tình huống 2



Lê đang đi tham quan cùng với lớp thì bị sổ mũi, hắt hơi liên tục và người rất mệt. Nếu là Lê, em sẽ:

- a. Nói ngay với thầy cô giáo.
- b. Tìm một chỗ ngồi nghỉ cho đỡ mệt.
- c. Chạy đi tìm phòng Y tế để xin thuốc uống.
- d. Không làm gì cả.
- e. Cách khác: ...

Hãy giải thích vì sao em lại chọn cách đó.









Đang đi chơi cùng bạn thì Nam bị đau bụng. Nếu là Nam, em sẽ:

- a. Chờ một lát cho hết đau rồi đi tiếp.
- b. Nhờ bạn đưa về nhà.
- c. Nhờ bạn gọi cho bố mẹ đến đón.
- d. Cách khác: ...

Hãy giải thích vì sao em lại chọn cách đó.

Bài tập 6. Cùng bạn trong nhóm đóng vai thể hiện cách ứng xử đã chọn trong các tình huống ở bài tập 5.

Bài tập 7. Em hãy tô màu vào  tương ứng với các việc em đã làm được để chăm sóc bản thân khi bị ốm.

Việc làm	Đã thực hiện
1) Nói ngay với cha mẹ, thầy cô giáo và người thân	
2) Kể với bác sĩ khi đi khám bệnh: Em bị đau ở đâu, đau như thế nào, trước đó em đã ăn, uống những gì,...	
3) Nghỉ ngơi	
4) Uống thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ và cha mẹ	
5) Chườm khăn ấm khi bị sốt	

Bài 6 EM TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH

Bài tập 1. Xem tranh và nêu những việc em nên tự giác làm:



Vì sao em nên tự giác làm những việc đó?






Bài tập 2. Khoanh tròn vào chữ cái trước mỗi ý kiến em đồng tình.

Lợi ích của tự giác làm việc của mình là:

- a. Bố mẹ đỡ vất vả.
- b. Em được mọi người yêu quý.
- c. Em có thêm nhiều thời gian vui chơi.
- d. Em không làm phiền người khác.
- e. Ý kiến khác: ...

Bài tập 3. Nối tranh ở cột A với ý ở cột B sao cho phù hợp.

Các cách để em tự làm tốt việc của mình:

A	B
	Cùng làm với người lớn
	Cùng làm với bạn
	Nhìn và làm theo người lớn
	Làm với sự giám sát của người lớn
	Nhờ người lớn hướng dẫn, giúp đỡ

Bài tập 4. Em hãy đánh dấu ✓ vào trước cách ứng xử phù hợp cho mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



- a. Làm bài cho bạn và để bạn bực vờ hộ mình.
- b. Im lặng, không nói gì với bạn.
- c. Thể hiện sự giận dữ và bảo bạn đi chỗ khác.
- d. Từ chối lời đề nghị của bạn và khuyên bạn tự làm lấy việc của mình.
- e. Cách xử lí khác: ...

Giải thích vì sao em lại lựa chọn cách xử lí đó.

Tình huống 2



- a. Mắng em như thế là hư.
- b. Bảo em là chị đang bận rửa cốc, tí nữa chị quét nhà cho.
- c. Từ chối và bảo em nên tự giác làm việc của mình.
- d. Bảo em cứ để đấy, không cần phải quét nhà.
- e. Cách xử lí khác: ...

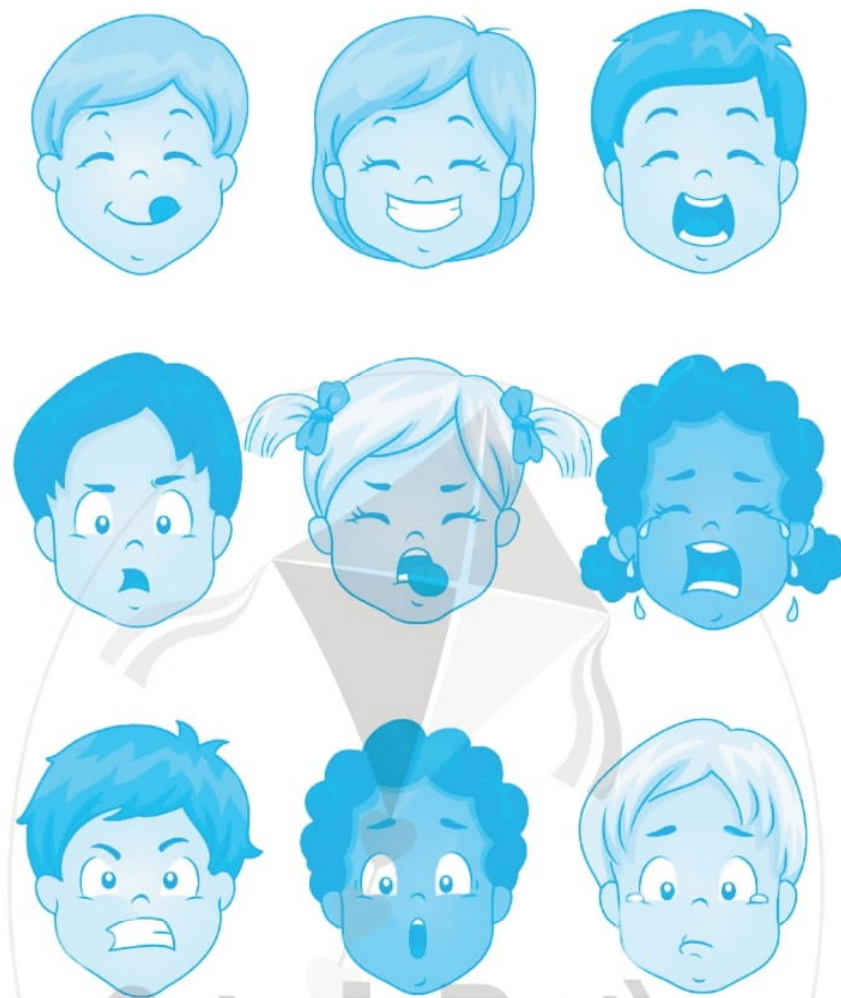
Giải thích vì sao em lại lựa chọn cách xử lí đó.

Bài tập 5. Tô màu cho các bức tranh thể hiện việc em đã tự giác làm.



Nêu những việc em còn chưa tự giác làm.

Bài tập 6. Đánh dấu X dưới hình vẽ thể hiện cảm giác của em sau khi tự giác làm việc của mình.



Giải thích vì sao em lại có cảm giác như thế.

Bài tập 7. Thực hành tự làm những công việc sau:

- Sắp xếp lại cặp sách, bàn học.
- Lau chùi đồ đạc ở nhà (hoặc ở lớp).

Bài tập 8. Điền từ đã cho vào chỗ ... sao cho phù hợp.

Từ: *tự giác* (1), *quý mến* (2), *tiền bộ* (3)

Đề mọi người

Và hằng ngày

Em làm việc

Chớ nhờ ai làm thay.

Bài 7 YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH

Bài tập 1. Em hãy đánh số thứ tự các tranh theo trình tự câu chuyện “Gia đình nhà gà” và kể lại câu chuyện.



Một buổi sáng, gà mẹ dẫn đàn con đi kiếm ăn.



Gà mẹ bới được một con giun.



Hai chú gà con tranh nhau ăn.



Thấy vậy, gà mẹ khuyên các con.



Hai chú gà con hối hận, xin lỗi mẹ.

Bài tập 2. Dựa trên nội dung câu chuyện “Gia đình nhà gà”, khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời phù hợp.

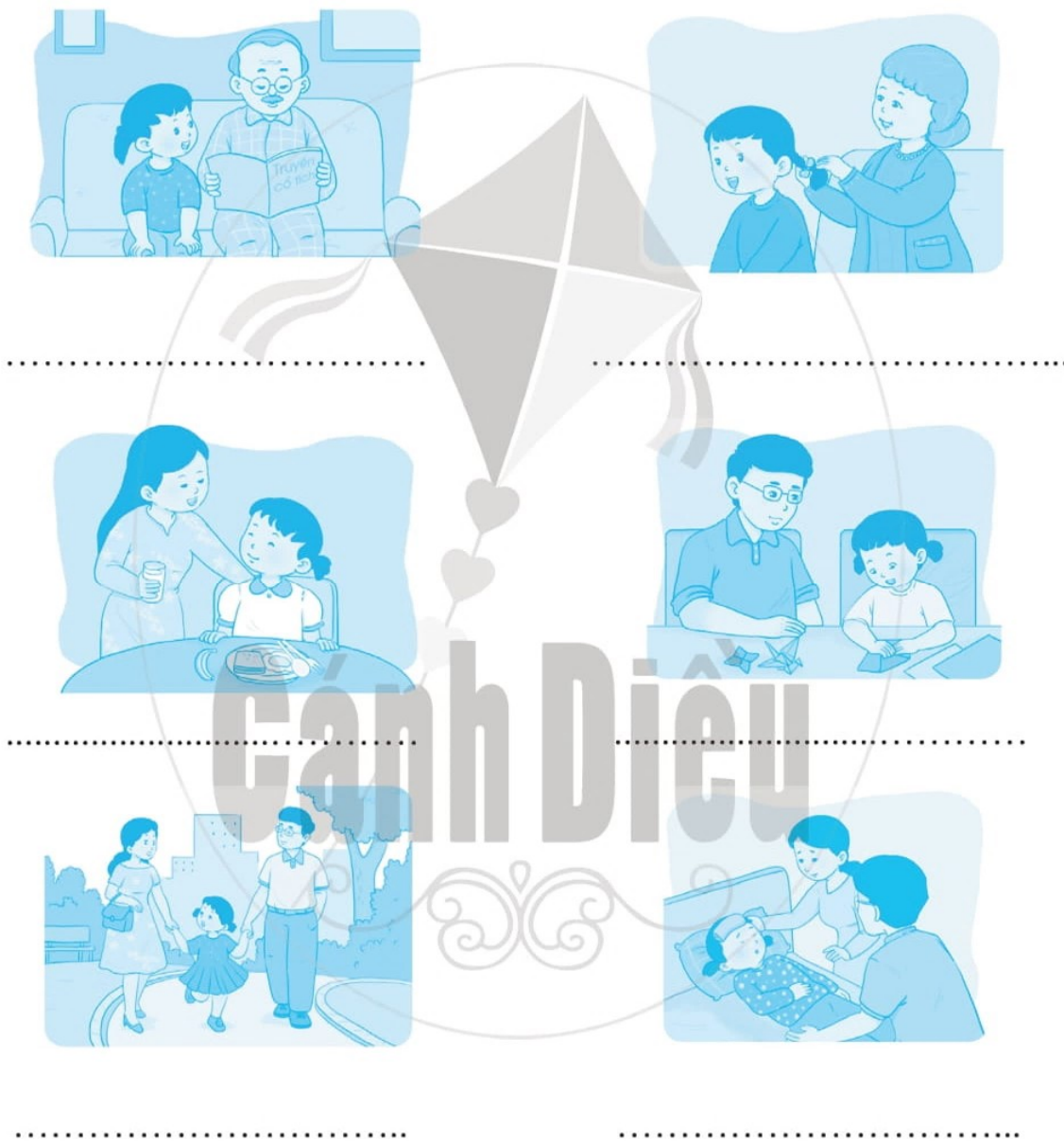
Câu 1. Gà mẹ đã làm gì để chăm sóc đàn con?

- a. Dẫn đàn con đi học.
- b. Dẫn đàn con đi tắm mát.
- c. Dẫn đàn con đi kiếm mồi.
- d. Dẫn đàn con đi chơi.

Câu 2. Gà mẹ đã khuyên gì khi các con tranh cãi?

- a. Anh em trong một nhà phải biết bênh vực nhau.
- b. Anh em trong một nhà phải yêu thương nhau.
- c. Anh em cùng một mẹ phải biết bao che cho nhau.
- d. Anh em cùng một mẹ phải biết giành phần hơn về mình.

Bài tập 3. Em hãy đặt tên cho mỗi tranh dưới đây:



Bài tập 4. Em hãy điền mỗi từ vào một chỗ ... trong câu dưới đây cho phù hợp.

Từ: *tình cảm (1), niềm vui (2), đầm ấm (3)*

- a. Tình yêu thương mang lại cho người thân.
- b. Tình yêu thương làm cho gia đình thêm gắn bó.
- c. Tình yêu thương làm cho gia đình thêm, hạnh phúc.

Bài tập 5. Em hãy nối mỗi tranh với lời nói yêu thương cho phù hợp.



Bố có mệt không ạ?



Con yêu mẹ nhất!



Cháu nhớ ông lắm!



Anh thật tuyệt vời!



Cháu thương bà!



Em dễ thương quá!

Bài tập 6. Em hãy đánh dấu + vào trước những lời nói yêu thương phù hợp với mỗi tranh dưới đây:



a. Con chúc mừng sinh nhật mẹ!

b. Con tặng mẹ yêu!

c. Con không thích món quà này của mẹ.

d. Con chúc mừng mẹ!

e. Lời nói khác: ...

a. Sao bà không mua quà cho cháu?

b. Cháu nhớ bà quá!

c. Bà đi đường xa có mệt không ạ?

d. Cháu yêu bà!

e. Lời nói khác: ...



a. Em rất thích chơi diều cùng anh!

b. Anh thả diều thật siêu!

c. Chơi diều với anh chán lắm!

d. Anh chơi diều thật tuyệt!

e. Lời nói khác: ...

Bài tập 7. Em hãy tô màu vào ♥ trước các cử chỉ, lời nói yêu thương mà em đã thể hiện với người thân trong gia đình.

Cử chỉ, lời nói yêu thương

♥ 1) Ôm

♥ 2) Hôn

♥ 3) Vuốt má

♥ 4) Quàng vai

♥ 5) Khoác tay

♥ 6) Con chúc mừng ông/bà/bố/mẹ...!

♥ 7) Con yêu ông/bà/bố/mẹ!

- ♡ 8) Con nhớ ông/bà/bố/mẹ!
- ♡ 9) Con thích món ăn bố/mẹ nấu!
- ♡ 10) Con cảm ơn ông/bà/bố/mẹ đã giúp con...
- ♡ 11) Con thương bố/mẹ vất vả!
- ♡ 12) Em đáng yêu quá!
- ♡ 13) Anh/chị thật tuyệt vời!
- ♡ 14)

Bài tập 8. Em hãy nêu những cử chỉ, lời nói yêu thương em sẽ thể hiện trong các trường hợp sau:

a. Khi người thân chăm sóc em.

.....
.....

b. Khi người thân của em vừa đi xa về.

.....
.....

c. Khi đến dịp lễ, tết, sinh nhật của người thân.

.....
.....

Cánh Diều

BÀI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Bài tập 1. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Việc làm nào dưới đây gọn gàng, ngăn nắp?

- a. Sắp xếp sách vở vào cặp sau khi học bài.
- b. Nhờ mẹ đặt giúp đồng hồ báo thức.
- c. Không nói chuyện riêng trong giờ học.
- d. Đi ngủ đúng giờ.

Câu 2. Việc làm nào dưới đây là thực hiện đúng nội quy trường, lớp?

- a. Hỏi thăm sức khỏe ông bà qua điện thoại.
- b. Chào thầy cô giáo khi ở trường.
- c. Nghịch dây điện của nồi cơm điện đang sử dụng.
- d. Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy.

Câu 3. Hành vi nào thể hiện sạch sẽ, gọn gàng?

- a. Nói chuyện riêng với bạn trong giờ học.
- b. Tự giác cắt móng tay khi móng tay dài.
- c. Đi học đúng giờ.
- d. Thông báo với bố mẹ khi bị ốm.

Câu 4. Hành vi nào thể hiện tình yêu thương gia đình?

- a. Tranh giành đồ chơi với anh chị.
- b. Cáu gắt, mắng em bé.
- c. Không làm giúp khi bố mẹ nhờ.
- d. Nói với mẹ “Con yêu mẹ lắm!”.

Câu 5. Hành vi nào cần làm khi bị ốm?

- a. Thông báo cho người lớn về tình hình sức khỏe không tốt.
- b. Tự ý uống thuốc.

- c. Uống nước đá lạnh.
- d. Đi tắm sau 9 giờ tối.

Câu 6. Việc làm nào dưới đây là học tập, sinh hoạt đúng giờ?

- a. Nhờ bố mẹ đánh thức buổi sáng.
- b. Chúc mừng bố mẹ vào ngày lễ, tết.
- c. Chơi với em để giúp mẹ làm bếp.
- d. Nhặt rau cùng mẹ.

Câu 7. Việc làm nào là tự giác làm việc của mình?

- a. Bố mẹ nhắc đánh răng hằng ngày.
- b. Tự sắp xếp sách vở sau khi học bài.
- c. Rửa mặt đi chơi.
- b. Bắt nạt bạn trong lớp.

Giải thích vì sao em tán thành ý kiến đó.

Bài tập 2. Tôi là ngôi sao sáng.

Câu 1. Để đánh giá kết quả thực hiện nội quy trường, lớp, sinh hoạt nền nếp, tự chăm sóc bản thân, tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình, em hãy đếm số hoa (hình trái tim, lá, sỏi,...) đã nhận được và quy đổi thành sao.

Hoạt động	Những ngày tốt đẹp	Sao
Thực hiện nội quy trường, lớp		
Sinh hoạt nền nếp		
Tự chăm sóc bản thân		
Tự giác làm việc của mình		
Yêu thương gia đình		
Tổng số		



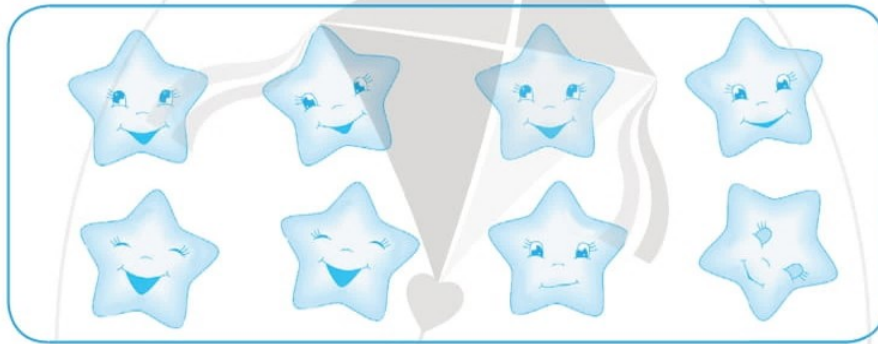
10 hoa/lá/sỏi... được đổi 1 sao

Số sao em nhận được là:

Câu 2. Em hãy viết tên và số sao đã đạt được trên giấy hình ngôi sao.



Câu 3. Gắn ngôi sao của mình trên bầu trời sao. Vị trí của ngôi sao được xếp theo số lượng sao em đã có được, càng nhiều sao thì vị trí sao của em càng cao.



Câu 4. Cùng bạn tham quan, trải nghiệm và chia sẻ cảm xúc khi thực hiện các hành vi trên.

Bài tập 3. Trò chơi “Phóng viên”.

Em phỏng vấn những bạn có nhiều sao theo những câu hỏi gợi ý sau:

- 1) Cảm xúc của bạn như thế nào khi là ngôi sao sáng nhất?
- 2) Bạn làm như thế nào để có được nhiều sao?

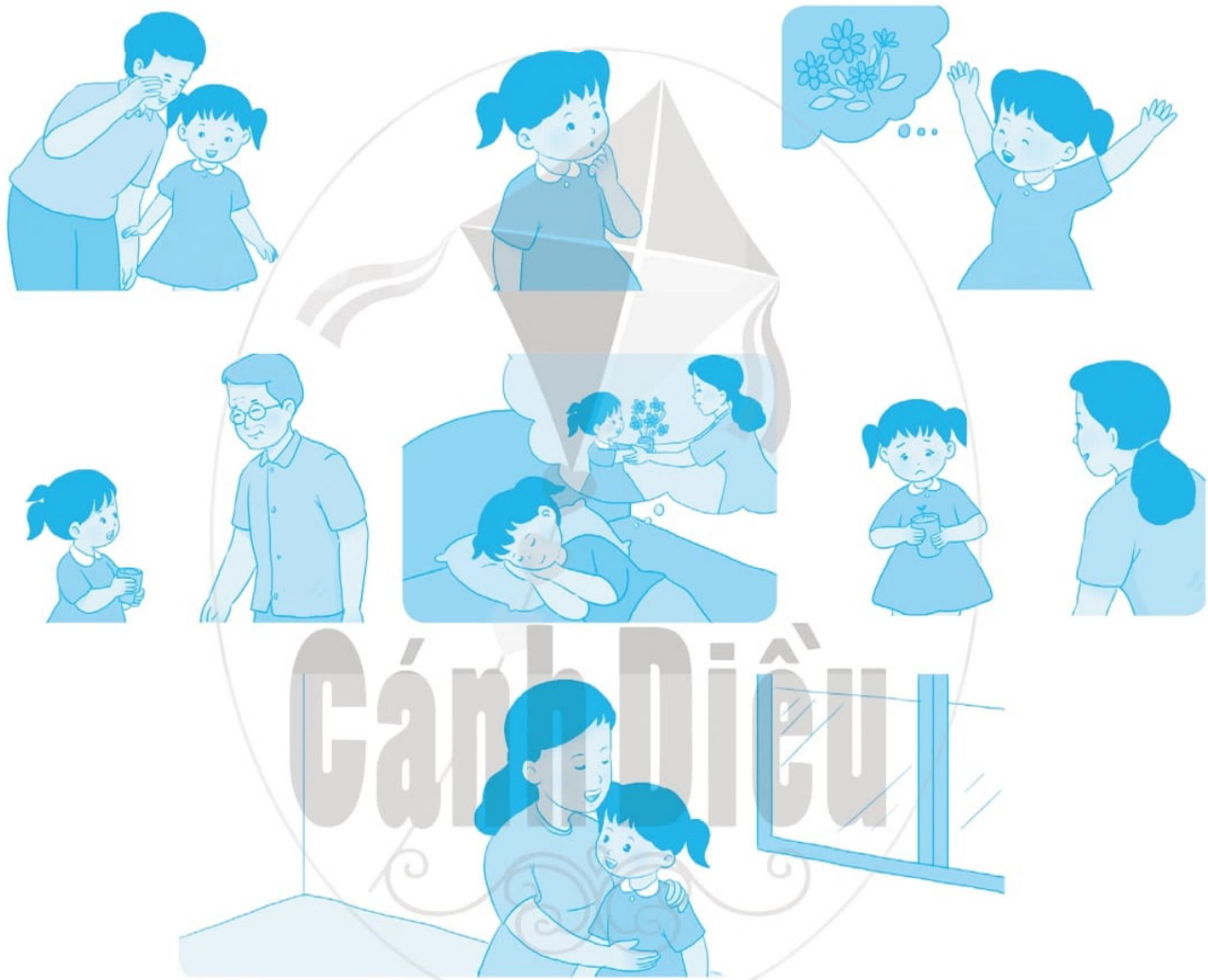
Bài tập 4. Lời cam kết.

- Em hãy làm một việc để thể hiện cam kết thực hiện tốt những chuẩn mực đã học bằng một trong những cách sau:
 - Nói một câu cam kết.
 - Thực hiện một hành động thể hiện sự quyết tâm.
 - Vẽ hoặc in ngón tay để đánh dấu cam kết.
- Treo bản cam kết trên tường lớp học như một lời nhắc nhở.



Bài 8 EM VỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ

Bài tập 1. Em hãy kể lại câu chuyện “Quà tặng mẹ” theo các tranh dưới đây:



Bài tập 2. Dựa trên nội dung câu chuyện “Quà tặng mẹ”, em hãy đánh dấu + vào trước những câu trả lời phù hợp.

Câu 1. Nhi đã làm gì để có quà tặng sinh nhật mẹ?

- a. Làm một tấm thiệp.
- b. Vẽ một bức tranh.
- c. Mua một bó hoa.
- d. Gieo hạt giống hoa vào chậu.

Câu 2. Việc làm của Nhi thể hiện điều gì?

- a. Nhi rất thích trồng hoa.
- b. Nhi rất yêu và quan tâm đến mẹ.
- c. Muốn đem lại niềm vui cho mẹ.
- d. Tặng mẹ món quà mẹ thích.

Bài tập 3. Em hãy kể tên việc làm của các bạn trong mỗi tranh sau:



Bài tập 4. Hãy vẽ 😊 dưới những tranh thể hiện hành vi em đồng tình và ☹️ dưới những tranh thể hiện hành vi em không đồng tình và giải thích lí do.





Bài tập 5. Hãy đánh dấu + trước những cách ứng xử phù hợp trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



- a. Mải chơi với bạn, không để ý đến bà.
- b. Chào bà và ra xách làn giúp bà.
- c. Lục túi bà đòi quà.
- d. Lấy nước mời bà uống.
- e. Cách khác: ...

Vì sao em lại chọn những cách ứng xử đó?

Tình huống 2



- a. Cất cặp sách và đi chơi với bạn.
- b. Hỏi thăm xem mẹ đau ở đâu.

- c. Bóp chân, bóp tay cho mẹ.
- d. Lấy nước cho mẹ uống thuốc.
- e. Cách khác: ...

Vì sao em lại chọn những cách ứng xử đó?

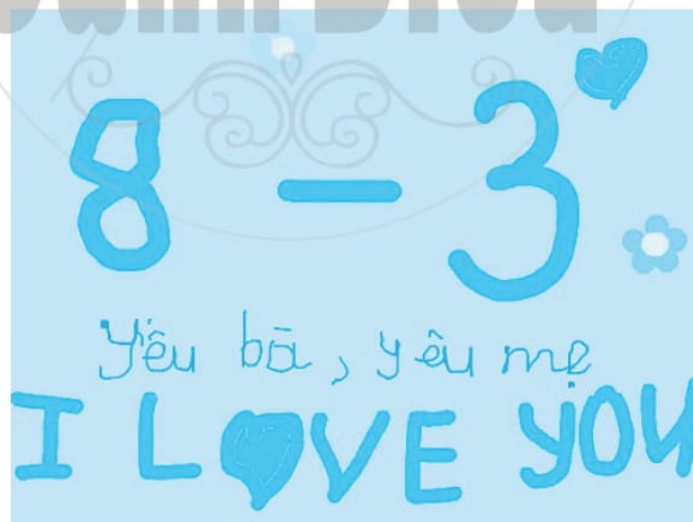
Tình huống 3



- a. Gọi điện thoại hỏi thăm sức khỏe của bố.
- b. Viết thư kể thành tích học tập của em cho bố biết.
- c. Gọi điện thoại kể chuyện vui ở nhà cho bố nghe.
- d. Gọi điện thoại giục bố về.
- e. Cách khác: ...

Vì sao em lại chọn những cách ứng xử đó?

Bài tập 6. Em hãy vẽ một bức chân dung ông/bà/cha/mẹ hoặc làm một tấm thiệp để tặng ông/bà/cha/mẹ.



Bài tập 7. Hãy tô màu vào ♥ trước những việc em đã làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ.

- ♡ 1) Hỏi thăm khi ông/bà/bố/mẹ ốm, mệt.
- ♡ 2) Lấy nước mời ông/bà/bố/mẹ.
- ♡ 3) Giúp đỡ ông/bà/bố/mẹ việc nhà.
- ♡ 4) Bóp tay, bóp vai,... cho ông/bà/bố/mẹ.
- ♡ 5) Chúc mừng ông/bà/bố/mẹ nhân dịp lễ, tết, sinh nhật.
- ♡ 6) Không quấy rầy khi ông/bà/bố/mẹ bận việc.
- ♡ 7)

Bài tập 8. Hãy nêu những việc em sẽ làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ trong các trường hợp:

a. Khi ông bà, cha mẹ ốm mệt.

.....

b. Khi ông bà, cha mẹ bận việc.

.....

c. Khi ông bà, cha mẹ vừa đi xa về.

.....

Bài 9 EM VỚI ANH CHỊ EM TRONG GIA ĐÌNH

Bài tập 1. Em hãy đặt tên cho mỗi tranh dưới đây:



.....



.....



.....

.....

Bài tập 2. Kể tên những việc em nên làm đối với anh chị trong các tranh dưới đây:



.....

.....



.....

.....

Bài tập 3. Em hãy vẽ hình 😊 dưới những tranh thể hiện hành vi em đồng tình và hình ☹️ dưới những tranh thể hiện hành vi em không đồng tình và giải thích lí do.





Bài tập 4. Hãy đánh dấu + vào trước những cách ứng xử phù hợp trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



- a. Để em ở nhà, đi đá bóng với các bạn.
- b. Rửa các bạn vào nhà chơi, lúc khác đi đá bóng.
- c. Đưa em bé cùng ra sân đá bóng.
- d. Ở nhà trông em, hẹn các bạn khi khác đá bóng.
- e. Cách khác: ...

Vì sao em lại chọn cách ứng xử đó?

Tình huống 2



- a. Cho em bé mượn búp bê.
- b. Cùng em bé chơi chung búp bê.
- c. Không cho em bé mượn búp bê.
- d. Cho em bé mượn đồ chơi khác.
- e. Cách khác: ...

Vì sao em lại chọn cách ứng xử đó?

Tình huống 3



- a. Từ chối không làm, vì đó là việc của anh.
- b. Quét nhà giúp anh.
- c. Nhờ người khác làm giúp anh.
- d. Làm giúp nhưng đòi anh phải trả công cho mình.
- e. Cách khác: ...

Vì sao em lại chọn cách ứng xử đó?

Bài tập 5. Hãy tô màu vào ♥ trước những việc em đã làm thể hiện quan tâm, chăm sóc anh chị em trong gia đình.

- ♥ 1) Chúc mừng anh chị em nhân dịp lễ, tết, sinh nhật.
- ♥ 2) Chia sẻ việc nhà với anh chị em.
- ♥ 3) Trông em bé.
- ♥ 4) Vui vẻ, hoà thuận với anh chị em.
- ♥ 5) Hỏi thăm khi anh chị em ốm, mệt.
- ♥ 6) Động viên, an ủi khi anh chị em có chuyện buồn.
- ♥ 7) Nhường quà, bánh, đồ chơi cho em.
- ♥ 8)

Bài tập 6. Nêu những việc em sẽ làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc anh chị em trong các trường hợp:

a. Khi đến dịp lễ, tết, sinh nhật anh chị em.

.....
.....

b. Khi anh chị em bị ốm, mệt.

.....
.....

c. Khi anh chị bận việc.

.....
.....

Bài 10 LỜI NÓI THẬT

Bài tập 1. Sắp xếp các bức tranh dưới đây thành trình tự câu chuyện “Cậu bé chăn cừu”.



1 Dân làng chạy đến cứu...



2 Một ngày nọ, cậu muốn lừa mọi người...



3 Nhưng không ai chạy đến giúp...



4 Có cậu bé chăn cừu nơi đồng cỏ xa xôi...



5 Một hôm, chó sói xuất hiện thật...



6 Biết bị lừa, mọi người rất tức giận...

a. Thứ tự sắp xếp tranh:

b. Em hãy kể lại câu chuyện trên theo tranh.

Bài tập 2. Dựa vào nội dung câu chuyện “Cậu bé chăn cừu”, em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời phù hợp cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1. Vì sao khi chó sói xuất hiện, dân làng lại không đến giúp cậu bé?

a. Vì cậu bé đã có người khác đến giúp.

- b. Vì dân làng không tin cậu bé.
- c. Vì chó sói là loài vật hiền lành, không làm hại ai.
- d. Vì cậu bé đã từng nói dối có chó sói để trêu đùa mọi người.

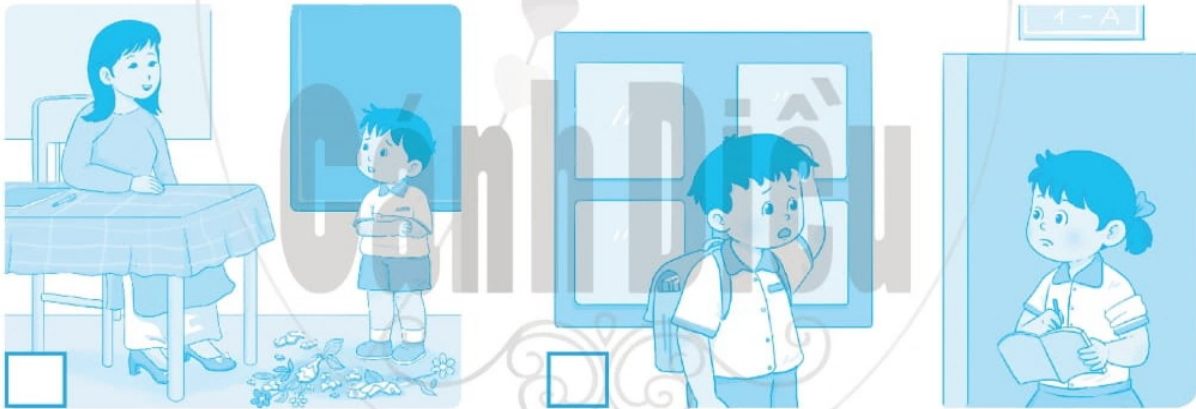
Câu 2. Việc nói dối có tác hại gì?

- a. Khiến cho người nói dối dễ bị ốm.
- b. Khiến cho chó sói hay tìm đến những người nói dối.
- c. Khiến cho mọi người xung quanh không còn tin tưởng người nói dối.
- d. Khiến cho người nói dối dễ bị lừa gạt.

Câu 3. Nói thật mang lại điều gì?

- a. Mang đến sự tin tưởng, tôn trọng, yêu quý của mọi người với người nói thật.
- b. Mang đến những câu chuyện buồn cười cho mọi người xung quanh.
- c. Mang đến cho người nói thật những món quà đắt tiền do người khác tặng.
- d. Mang đến những điều rủi ro, nguy hiểm cho người nói thật.

Bài tập 3. Em hãy vẽ 😊 hoặc ☹️ vào trong mỗi bức tranh dưới đây:



Bài tập 4. Đánh dấu ✓ vào trước ý kiến em đồng tình.

- a. Người nói thật là người đáng tin cậy.
- b. Nên nói dối để tránh bị phạt.
- c. Không nên nói dối, đổ lỗi cho người khác.

Giải thích vì sao em lại có sự lựa chọn như vậy.

Bài tập 5. Em hãy cùng bạn đóng vai để xử lý các tình huống dưới đây:

Tình huống 1

Chi sơ ý làm rách vở của bạn. Nếu là Chi, em sẽ ứng xử như thế nào?



Vì sao em lại xử lý như vậy?

Tình huống 2

Mai quên lời mẹ dặn mang đồ sang cho bà. Nếu là Mai, em sẽ nói gì khi mẹ hỏi?



Vì sao em lại xử lý như vậy?

Bài tập 6. Hãy đánh dấu ✓ vào thể hiện các trường hợp em từng dũng cảm nói thật khi mắc lỗi.

- a. Nói thật lí do đi học muộn.
- b. Nói thật lí do quên học bài.

- c. Nói thật lí do quên lời bố, mẹ dặn.
- d. Nói thật và nhận lỗi khi mình làm hỏng đồ dùng trong nhà.
- e. Nói thật và nhận lỗi khi mình làm hỏng đồ dùng ở lớp.
- g. Nói thật và nhận lỗi với bạn khi có chuyện không hay xảy ra.

Bài tập 7. Nối mỗi ý ở cột **A** với ý ở cột **B** sao cho phù hợp.

A	B
Dũng cảm nói thật	khi bạn nói dối.
Ủng hộ	khi em mắc lỗi.
Nhắc nhở	khi bạn nói thật.

Bài tập 8. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Em luôn ăn nói thật thà
Mọi người, cả nhà

Bài 11 TRẢ LẠI CỦA RƠI

Bài tập 1. Cùng hát bài “Bà Còng đi chợ” – Nhạc và lời: Phạm Tuyên.

*Bà Còng đi chợ trời mưa
Cái Tôm, cái Tép đi đưa bà Còng
Đưa bà đến quãng đường cong
Đưa bà về tận ngõ trong nhà bà
Tiền bà trong túi rơi ra
Tép, Tôm nhặt được trả bà mua rau.*



Bài tập 2. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời phù hợp.

Bạn Tôm, bạn Tép trong bài hát đã làm gì khi nhặt được tiền của bà Còng?

- a. Trả lại cho bà Còng.
- b. Chia nhau tiền.
- c. Dùng tiền để mua quà ăn chung.
- d. Cách khác: ...

Bài tập 3. Em hãy cùng bạn đóng tiểu phẩm theo nội dung câu chuyện “Cậu bé thật thà”, SGK Đạo đức 1, trang 56.



Bài tập 4. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời phù hợp.

Câu 1. Mẹ của Lan cảm thấy như thế nào khi bị mất ví?

- a. Ngạc nhiên.
- b. Tức giận.
- c. Buồn bực.
- d. Hồi hộp.
- e. Tâm trạng khác: ...

Câu 2. Cậu bé trong câu chuyện đã làm gì khi nhặt được chiếc ví ở siêu thị?

- a. Nhờ bố tìm trả lại ví cho người đánh rơi.
- b. Lấy tiền trong ví để mua thứ mình thích (quà bánh, đồ chơi, sách, truyện,...).
- c. Lấy tiền trong ví để cho bạn thân của mình.
- d. Lấy tiền trong ví để cho bố mẹ.
- e. Việc làm khác: ...

Câu 3. Việc làm của cậu bé đã mang lại điều gì cho mẹ bạn Lan?

- a. Lo lắng.
- b. Vui mừng.
- c. Ngạc nhiên.
- d. Tự hào.
- e. Điều khác: ...

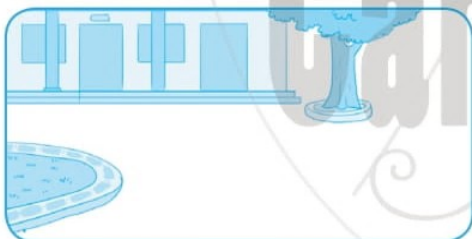
Câu 4. Việc làm của cậu bé đã thể hiện đức tính gì?

- a. Chăm chỉ.
- b. Thật thà.
- c. Khiêm tốn.
- d. Nhường nhịn.
- e. Đức tính khác: ...

Câu 5. Theo em, mọi người xung quanh sẽ có tình cảm như thế nào với cậu bé?

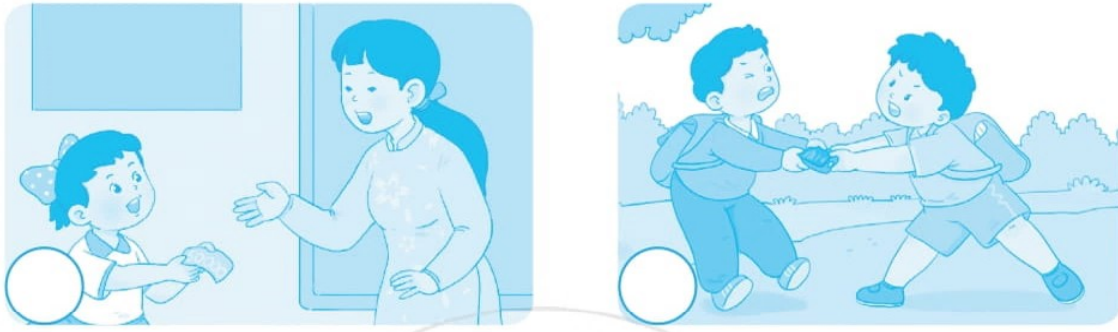
- a. Yêu quý, nể phục.
- b. Coi thường.
- c. Thương hại.
- d. Ghét bỏ.
- e. Tình cảm khác: ...

Bài tập 5. Hãy nối mỗi địa điểm nhất được của roi với hình ảnh những người tin cậy có thể giúp em trả lại của roi khi nhất được.



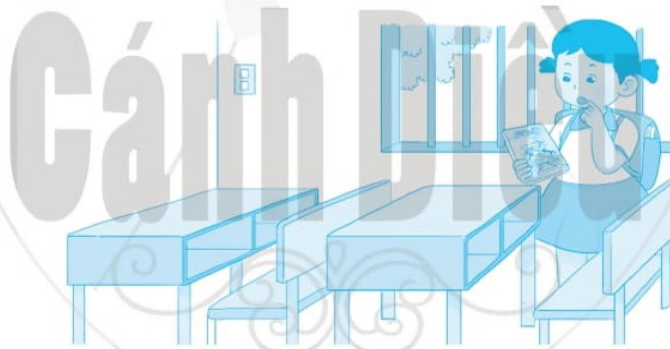
Bài tập 6. Nhận xét hành vi.

Em hãy vẽ 😊 vào tranh vẽ bạn thật thà, ☹️ vào tranh vẽ bạn không thật thà.



Bài tập 7. Đánh dấu ✓ vào ô trước cách ứng xử em chọn nếu là bạn trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



Nếu là bạn trong tình huống 1, em sẽ:

- a. Giấu truyện mang về nhà để xem.
- b. Nộp cho thầy cô giáo, bác bảo vệ.
- c. Mang truyện cho bạn thân của mình.
- d. Hỏi các bạn trong lớp xem ai bị mất truyện để trả lại.
- e. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em lại chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 2



Nếu là bạn trong tình huống 2, em sẽ:

- a. Mang đồng hồ về nhà để dùng.
- b. Nhờ bố mẹ tìm cách trả lại cho người đánh rơi.
- c. Mang nộp cho thầy cô giáo hoặc chú công an để tìm trả lại cho người đánh rơi.
- d. Tặng đồng hồ cho người mà em yêu quý, thân thiết nhất.
- e. Cách khác:...

Giải thích lí do vì sao em lại chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 3



Nếu là bạn trong tình huống 3, em sẽ:

- a. Đồng ý đi ăn kem cùng bạn.
- b. Từ chối không đi cùng bạn.
- c. Từ chối và khuyên bạn nên tìm cách trả lại tiền cho người đánh rơi.
- d. Im lặng, không quan tâm.
- e. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em lại chọn cách ứng xử đó.

Bài tập 8. Em hãy đánh dấu \surd vào trước câu trả lời phù hợp trong các câu dưới đây:

Câu 1. Em đã bao giờ nhặt được của rơi chưa?

- a. Đã nhặt được.
- b. Chưa nhặt được.

Câu 2. Nếu đã nhặt được của rơi thì em làm gì?

- a. Giữ lại để sử dụng.
- b. Mang cho bạn hoặc người thân trong gia đình.
- c. Tự trả lại cho người đánh rơi.
- d. Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo,... giúp trả lại cho người đánh rơi.
- e. Cách khác: ...

Câu 3. Lí do gì đã khiến em làm như vậy?

Bài tập 9. Hãy điền mỗi từ đã cho vào một chỗ ... trong các câu dưới đây cho phù hợp.

Từ: *quý trọng (1), thật thà (2), niềm vui (3), của rơi (4)*

- a. Em nên trả lại khi nhặt được.
- b. Trả lại của rơi là người
- c. Người không tham của rơi sẽ được mọi người
- d. Trả lại của rơi cho người đánh mất là mang lại cho họ và cho chính mình.

Bài tập 10.

- Em hãy tìm hiểu một tấm gương thật thà trả lại của rơi (đã chứng kiến hoặc qua xem ti vi, nghe đài, nghe mọi người kể lại,...).
- Chia sẻ tấm gương đó với các bạn trong nhóm em.

Bài 12 PHÒNG TRÁNH BỊ NGÃ

Bài tập 1.

- Em hãy gọi tên những hành động nguy hiểm, có thể bị ngã trong mỗi tranh dưới đây.
- Vẽ dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, có thể bị ngã vào các tranh.
- Kể thêm những hành động khác có nguy cơ bị ngã mà em biết.



Bài tập 2. Em hãy hoàn thành bảng “Cách phòng tránh bị ngã” bằng cách điền tiếp mỗi từ hoặc cụm từ đã cho vào chỗ ... trong bảng cho phù hợp.

Từ: *lưới bảo vệ (1), nhẩy qua (2), trèo cây (3), cầu thang (4), chạy nhẩy (5)*

Cách phòng tránh bị ngã

- 1) Không chạy nhẩy, xô đẩy nhau khi lên xuống
- 2) Không nhào người, thò đầu ra ngoài, ngồi lên thành lan can, cửa sổ nhà cao tầng khi không có
- 3) Không ; không trèo lên bàn, ghế cao để lấy đồ.
- 4) Không đi chân đất,, nô đùa trên nền trơn ướt.
- 5) Không đùa nghịch, miệng cống, rãnh nước, hố sâu.

Bài tập 3. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước cách ứng xử phù hợp nhất trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1

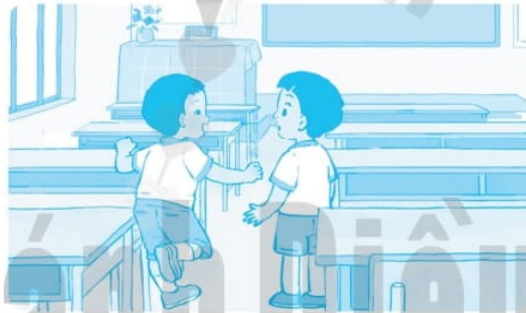


Em cần lấy đồ để trên kệ sách cao. Em sẽ:

- a. Kê chồng ghế cao rồi trèo lên để lấy.
- b. Lấy que hoặc gậy khều đồ xuống.
- c. Nhờ người lớn lấy giúp.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 2



Nếu là bạn trong tình huống 2, em sẽ:

- a. Cùng chơi đuổi nhau với bạn trong lớp.
- b. Mách thầy cô giáo.
- c. Rủ bạn ra ngoài sân chơi đuổi nhau thay vì chơi trong lớp.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 3



Nếu là bạn trong tình huống 3, em sẽ:

- a. Mách người lớn.
- b. Cùng trèo cây với bạn.
- c. Khuyên bạn không nên trèo cây.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Bài tập 4. Cùng bạn thực hành chườm đá vào vết thương kín, bị sưng tấy do ngã.



Bài tập 5. Cùng các bạn chơi trò “Phóng viên” để phỏng vấn nhau về cách phòng tránh bị ngã.



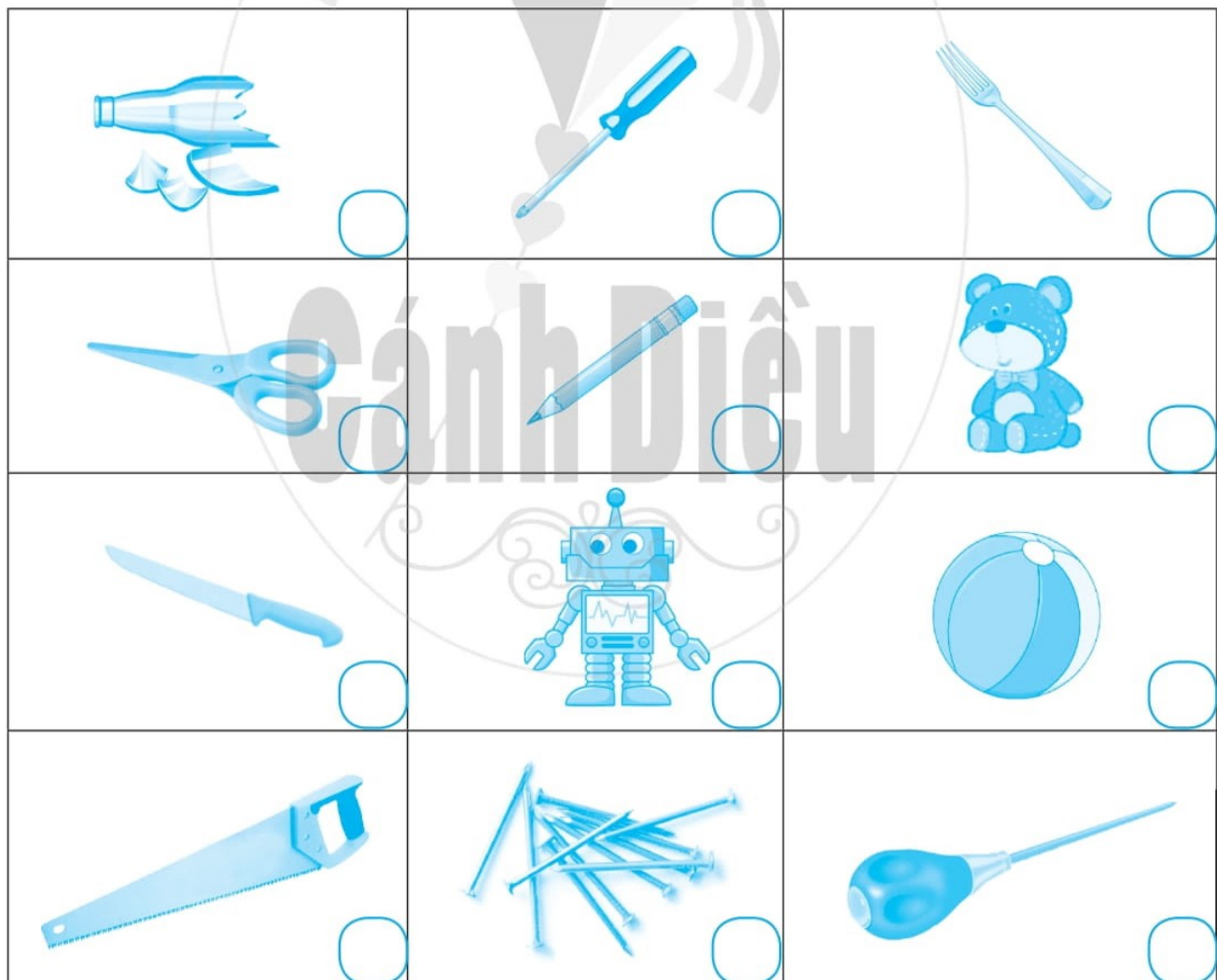
Bài tập 6. Tự liên hệ việc em đã làm được để phòng tránh bị ngã bằng cách vẽ ★ vào ô tương ứng trong bảng dưới đây:

Việc làm	Đã thực hiện
1) Không chạy nhảy, xô đẩy nhau khi lên xuống cầu thang	
2) Không nhào người, thò đầu ra ngoài, ngồi lên thành lan can, cửa sổ nhà cao tầng khi không có lưới bảo vệ	

3) Không trèo cây; không trèo lên bàn, ghế cao để lấy đồ	
4) Không đi chân đất; chạy nhảy, nô đùa trên nền trơn, ướt	
5) Không đùa nghịch, nhảy qua miệng cống không có nắp, rãnh nước, hố sâu	

Bài 13 PHÒNG TRÁNH BỊ THƯƠNG DO CÁC VẬT SẮC NHỌN

Bài tập 1. Đánh dấu X vào tranh vẽ các vật sắc nhọn, có thể làm em bị thương chảy máu.



Ngoài ra, em còn biết những vật sắc nhọn nào khác có thể gây thương tích?

Bài tập 2.

- Việc làm của bạn trong mỗi tranh dưới đây có thể dẫn đến hậu quả gì?
- Vẽ dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm vào các tranh.
- Kể thêm những hành động khác có nguy cơ bị thương do các vật sắc nhọn mà em biết.



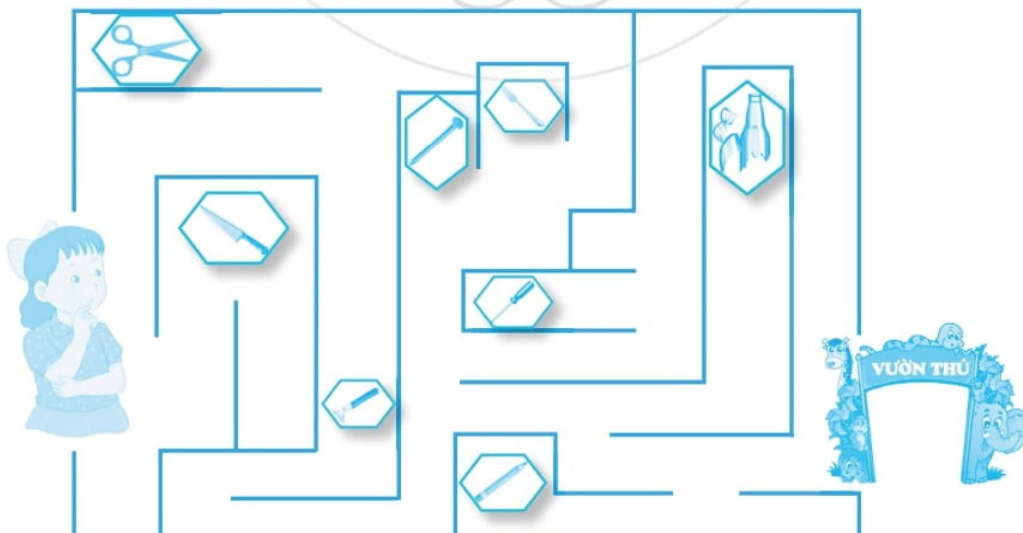
Bài tập 3. Hãy điền mỗi từ đã cho vào một chỗ ... trong bảng “Cách phòng tránh bị thương do các vật sắc nhọn” cho phù hợp.

Từ: *thủy tinh (1), miệng (2), đồ đạc (3), trên sàn (4), sắc nhọn (5)*

Cách phòng tránh bị thương do các vật sắc nhọn

- Không chơi đùa, chạy nhảy gần những có cạnh sắc nhọn.
- Không dùng vật để chơi.
- Không dùng tay để nhặt mảnh sắc nhọn.
- Không ngậm các vật sắc nhọn vào
- Không chơi đùa có các mảnh sành, sứ, thủy tinh vỡ.

Bài tập 4. Em hãy vẽ đường đi an toàn, tránh được các vật sắc nhọn trong hình mê cung dưới đây:



Bài tập 5. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước cách ứng xử phù hợp nhất trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



Nếu là bạn trong tình huống 1, em sẽ:

- a. Cùng đi trốn sau bụi tre với bạn.
- b. Không đi và để mặc bạn trốn sau bụi tre một mình.
- c. Khuyên ngăn bạn không nên trốn sau bụi tre.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 2



Nếu là bạn trong tình huống 2, em sẽ:

- a. Đồng ý chơi đấu kiếm cùng bạn.
- b. Khuyên ngăn bạn.
- c. Mách người lớn.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Bài tập 6. Em hãy cùng bạn thực hành sơ cứu vết thương bị chảy máu theo các bước sau:

Bước 1: Rửa tay sạch trước và sau khi sơ cứu.

Bước 2: Rửa vết thương bằng nước sạch, có thể rửa dưới vòi nước máy.

Bước 3: Đặt miếng gạc lên vết thương.

Bước 4: Băng lại.



Bài tập 7. Tự liên hệ việc em đã làm để phòng tránh bị thương do các vật sắc nhọn bằng cách vẽ ★ vào ô tương ứng trong bảng dưới đây:

Việc làm	Đã thực hiện
1) Không chơi đùa, chạy nhảy gần những đồ đạc có cạnh sắc nhọn	
2) Không dùng vật sắc nhọn để chơi	
3) Không dùng tay để nhặt mảnh thủy tinh, sành, sứ vỡ	
4) Không ngậm các vật sắc nhọn vào miệng	
5) Không chơi đùa trên sàn có đinh nhọn hoặc các mảnh sành, sứ, thủy tinh vỡ	

Bài 14

PHÒNG TRÁNH BỊ BỎNG

Bài tập 1. Em hãy nối hình vẽ các đồ vật có thể gây bỏng với ô chữ “Gây bỏng”.



GÂY BỎNG



Bài tập 2.

Câu 1. Em hãy đánh dấu \checkmark vào góc những tranh vẽ hành vi, việc làm nguy hiểm, có thể làm trẻ em bị bỏng.



Câu 2. Giải thích vì sao việc làm đó có thể gây bỏng.

Bài tập 3. Em hãy hoàn thành bảng “Cách phòng tránh bị bỏng” bằng cách điền tiếp các cụm từ phù hợp vào chỗ ... dưới đây:

Cách phòng tránh bị bỏng

- 1) Không chơi đùa, lại gần bếp khi đang
- 2) Không chơi đùa gần những đồ vật như: phích nước sôi, bàn ủi đang cắm điện hoặc vừa sử dụng, ống pô xe máy vừa đi về, nồi canh nóng
- 3) Khi sử dụng vòi nước nóng, cần mở dần, từ bên nước lạnh sang
- 4) Không nghịch diêm,
- 5)

Bài tập 4. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước cách ứng xử phù hợp nhất trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1

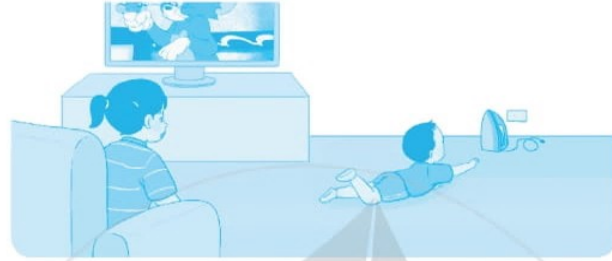


Tùng rủ Chính chơi đuổi nhau ở phòng bếp trong lúc mẹ đang nấu ăn.
Nếu là Chính, em sẽ:

- a. Từ chối không chơi và giải thích rõ lí do.
- b. Đồng ý chơi cùng bạn.
- c. Mách người lớn.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 2

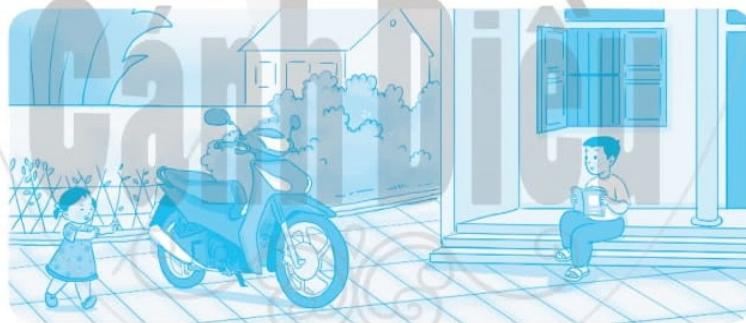


Hoa thấy em bé đang bò đến gần chiếc bàn ủi vừa mới dùng. Nếu là Hoa, em sẽ:

- a. Mặc kệ em bé, không quan tâm.
- b. Chạy đến cất chiếc bàn ủi vào nơi an toàn.
- c. Chạy đến ngăn em bé lại.
- d. Gọi người lớn.
- e. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 3



Huy nhìn thấy em bé chơi gần xe máy bố vừa mới đi về. Nếu là Huy, em sẽ:

- a. Mách người lớn.
- b. Không quan tâm.
- c. Gọi người lớn ra cất xe máy đi chỗ khác.
- d. Chạy lại đưa em ra chỗ khác chơi.
- e. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Bài tập 5. Cùng bạn trong nhóm đóng vai thể hiện cách ứng xử đã chọn trong các tình huống ở bài tập 4.

Bài tập 6. Hãy tự liên hệ việc em đã làm để phòng tránh bị bỏng bằng cách vẽ ★ vào ô tương ứng trong bảng sau:

Việc làm	Đã thực hiện
1) Không chơi đùa, lại gần bếp khi đang đun nấu	
2) Không chơi đùa, lại gần những vật nóng như: phích nước sôi, nồi canh nóng, bàn ủi đang dùng hoặc vừa mới dùng, lò vi sóng, lò nướng, ống pô xe máy vừa đi về,...	
3) Không nghịch diêm, bật lửa, đốt lửa sưởi	
4) Cẩn thận khi sử dụng vòi nước nóng	

Bài tập 7.

Câu 1. Cùng bạn thực hành sơ cứu vết bỏng theo các bước:

- Ngâm vùng da bị bỏng trong nước sạch, mát.
- Xịt hoặc bôi thuốc chống bỏng.



Câu 2. Cùng cả lớp bình chọn cặp đôi sơ cứu vết bỏng giỏi nhất.

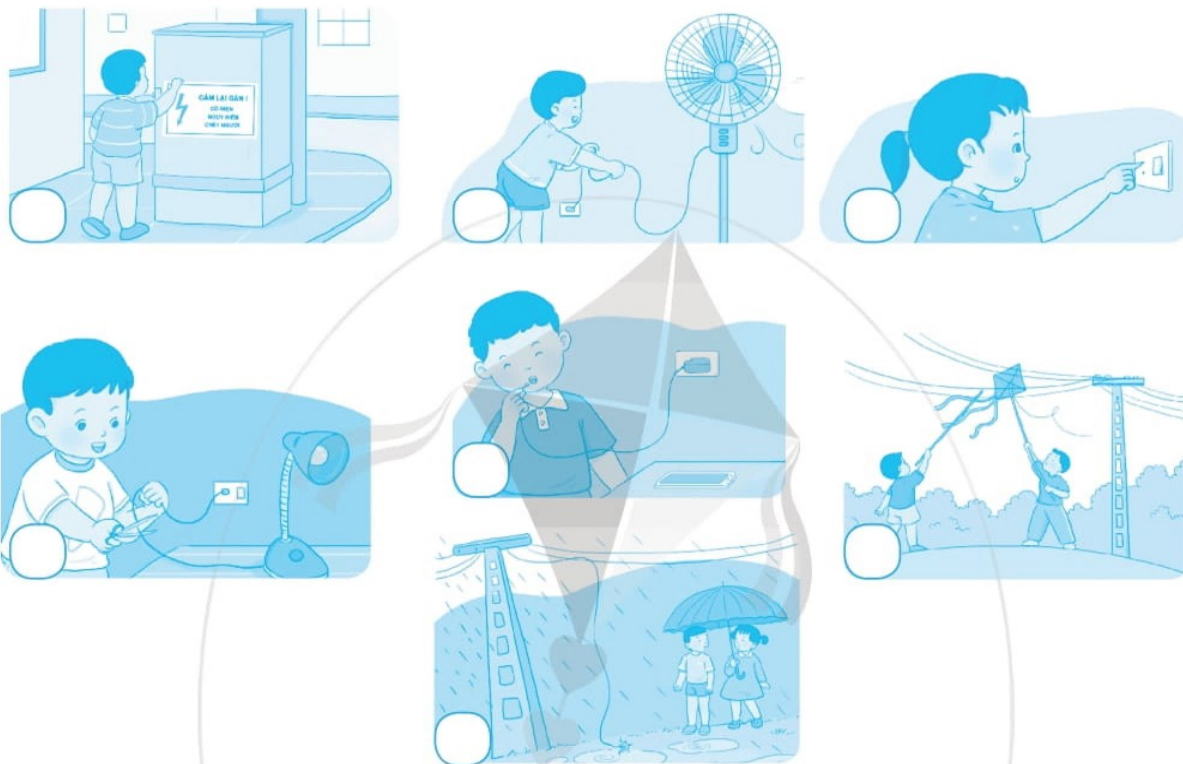
Bài 15 PHÒNG TRÁNH BỊ ĐIỆN GIẬT

Bài tập 1. Em hãy đánh dấu X vào hình vẽ những đồ vật có sử dụng điện.



Bài tập 2.

- Em hãy gọi tên những hành động nguy hiểm, có thể bị điện giật trong mỗi tranh.
- Em hãy vẽ hình tia chớp để cảnh báo nguy hiểm vào các tranh.
- Kể thêm những hành động khác có nguy cơ bị điện giật mà em biết.



Bài tập 3. Em hãy hoàn thành bảng “Cách phòng tránh bị điện giật” bằng cách điền tiếp mỗi từ, cụm từ đã cho vào chỗ ... trong bảng cho phù hợp.

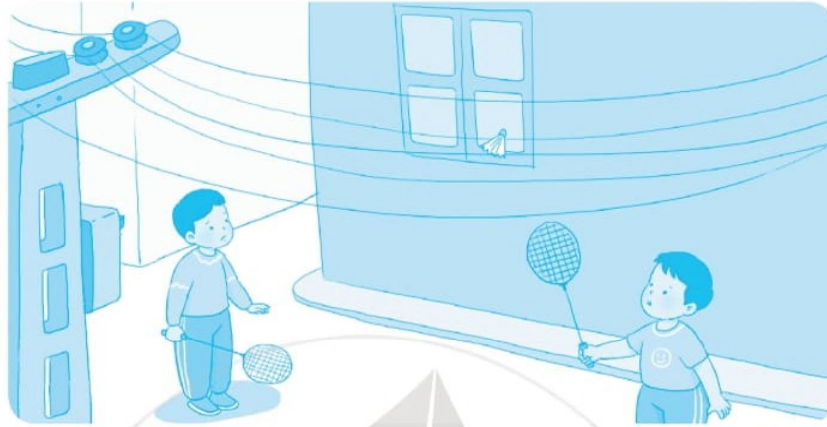
Các từ, cụm từ: *cao thế (1); dây điện (2); công tắc, cầu dao điện (3); ổ điện (4); cắm điện (5); tủ điện, bốt điện (6); miệng (7)*

Cách phòng tránh bị điện giật

- 1) Không thò ngón tay, chọc que kim loại vào
- 2) Không nghịch các thiết bị điện; không dùng tay kéo dây điện hoặc dùng dao, kéo để cắt dây điện khi đang
- 3) Không đi chân đất, dùng tay ướt, đứng ở chỗ ẩm ướt để bật
- 4) Không dùng que để lấy đồ vật bị mắc trên
- 5) Không leo trèo cột điện; không chơi, nghịch ở
- 6) Không chơi dưới chân cột điện
- 7) Không ngậm đầu dây đang sạc điện thoại vào

Bài tập 4. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước cách ứng xử phù hợp nhất trong mỗi tình huống dưới đây:

Tình huống 1



Em và bạn chơi cầu lông ở ngoài ngõ, không may quả cầu vương vào dây điện. Em sẽ:

- a. Dùng que để lấy quả cầu.
- b. Lấy dép ném cho quả cầu rơi xuống.
- c. Nhờ người lớn lấy giúp.
- d. Chịu mất quả cầu, không làm gì.
- e. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 2

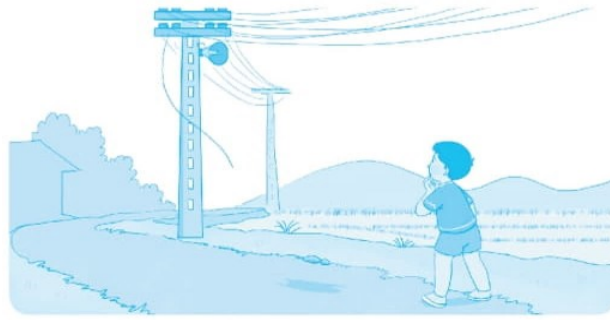


Em thấy dây cắm nồi cơm điện bị mất lớp nhựa bảo vệ bên ngoài. Em sẽ:

- a. Không làm gì.
- b. Tự dùng băng keo bọc lại chỗ bị đứt.
- c. Báo cho người lớn trong nhà biết.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 3



Em nhìn thấy dây điện ngoài đường bị đứt, treo lơ lửng. Em sẽ:

- a. Không làm gì.
- b. Báo cho người lớn.
- c. Dùng tay cất gọn sợi dây.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 4

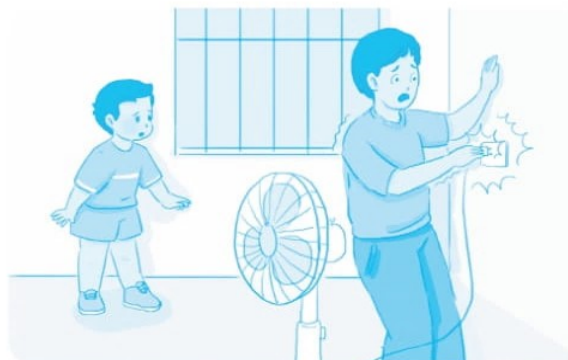


Em nhìn thấy em bé kéo dây điện của chiếc quạt đang chạy. Em sẽ:

- a. Không làm gì.
- b. Gọi người lớn.
- c. Chạy đến ngăn em bé.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Tình huống 5



Em nhìn thấy một người bị điện giật. Em sẽ:

- a. Dùng tay kéo người đó ra khỏi nguồn điện.
- b. hô hoán gọi người lớn đến cứu.
- c. Chạy đi tắt cầu dao điện.
- d. Cách khác: ...

Giải thích lí do vì sao em chọn cách ứng xử đó.

Bài tập 5. Cùng bạn chơi trò “Phóng viên” để phỏng vấn nhau về cách phòng tránh bị điện giật.



Bạn sẽ làm gì khi thấy em bé định thò ngón tay vào ổ điện?

Bài tập 6. Tự liên hệ việc em đã làm được để phòng tránh bị điện giật bằng cách vẽ ★ vào ô tương ứng trong bảng dưới đây:

Hành động, việc làm	Đã thực hiện
1) Không thò ngón tay, chọc que kim loại vào ổ điện	
2) Không nghịch các thiết bị điện; không dùng tay kéo dây điện hoặc dùng dao, kéo để cắt dây điện khi đang cắm điện	
3) Không đi chân đất, dùng tay ướt, đứng ở chỗ ẩm ướt để bật công tắc, cầu dao điện	
4) Không dùng que để lấy đồ vật bị mắc trên dây điện	
5) Không leo trèo cột điện; không chơi, nghịch ở tủ điện, bốt điện, chân cột điện cao thế	
6) Không ngậm đầu dây đang sạc điện thoại vào miệng	

BÀI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

Bài tập 1. Khoanh tròn vào cách ứng xử phù hợp trong mỗi câu dưới đây và lí giải sự lựa chọn của em.

Câu 1. Khi mẹ bị ốm, mệt, em sẽ:

- a. Đòi mẹ làm món ăn mà em thích.
- b. Hỏi thăm và chăm sóc mẹ.
- c. Để mẹ nằm một mình, em đi chơi với bạn.
- d. Đòi mẹ đưa em đi chơi.
- e. Cách khác: ...

Câu 2. Khi bố mẹ bận việc, em sẽ:

- a. Giúp đỡ bố mẹ việc nhà.
- b. Không quan tâm đến việc của bố mẹ.
- c. Quấy rầy, làm phiền bố mẹ.
- d. Chỉ làm việc của mình.
- e. Cách khác: ...

Câu 3. Khi ông bà vừa đi xa về, em **không** nên:

- a. Chào hỏi ông bà.
- b. Lọc túi ông bà để lấy quà.
- c. Hỏi thăm xem ông bà có mệt không.
- d. Lấy nước cho ông bà uống.
- e. Cách khác: ...

Câu 4. Khi anh chị gặp chuyện buồn, em **không** nên:

- a. Hỏi thăm, động viên anh chị.
- b. Chia sẻ để anh chị vui đi nỗi buồn.
- c. Thờ ơ, mặc kệ anh chị.
- d. Giúp đỡ để anh chị vượt qua nỗi buồn.
- e. Cách khác: ...

Câu 5. Khi mắc lỗi, em sẽ:

- a. Nói dối để không bị phạt.
- b. Đổ lỗi cho người khác.
- c. Đổ lỗi cho hoàn cảnh.

- d. Dững cảm nói thật.
- e. Cách khác: ...

Câu 6. Khi nhặt được của rơi, em sẽ:

- a. Giữ lại để sử dụng.
- b. Chỉ trả lại khi biết người đánh rơi.
- c. Tìm cách để trả lại người đánh mất.
- d. Không cần trả nếu không có ai nhìn thấy.
- e. Cách khác: ...

Câu 7. Để phòng tránh bị ngã, em nên:

- a. Chạy nhảy trên cầu thang.
- b. Ngồi trên thành lan can.
- c. Đi dép khi sàn nhà tắm trơn, ướt.
- d. Trèo cây, đu cành.
- e. Cách khác: ...

Câu 8. Để phòng tránh bị thương do các vật sắc nhọn, em cần:

- a. Không dùng vật sắc nhọn để chơi.
- b. Dùng tay để nhặt mảnh thủy tinh vỡ.
- c. Chạy nhảy trên sàn có mảnh thủy tinh vỡ.
- d. Chạy nhảy gần những vật sắc nhọn.
- e. Cách khác: ...

Câu 9. Để sơ cứu vết thương khi bị bỏng, em cần:

- a. Dùng dầu, cao xoa vào chỗ bị bỏng.
- b. Ngâm vùng da bị bỏng trong nước sạch, mát.
- c. Ngâm vùng da bị bỏng trong nước nóng.
- d. Ngâm vùng da bị bỏng trong nước mắm.
- e. Cách khác: ...

Câu 10. Để phòng tránh bị điện giật, em nên:

- a. Chọc tay vào ổ điện.
- b. Chọc que kim loại vào ổ điện.
- c. Lau khô tay trước khi sử dụng thiết bị điện.
- d. Ngâm đầu dây sạc pin điện thoại khi đang cắm điện.
- e. Cách khác: ...

Bài tập 2. Em sẽ làm gì nếu là bạn nhỏ trong mỗi tình huống dưới đây?

Tình huống 1

Mẹ đau
đầu quá!



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 2

Hôm nay, anh được giải
Nhất trong Cuộc thi hùng
biện bằng tiếng Anh.



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 3 Cô giáo dặn cả lớp sưu tầm tranh ảnh chuẩn bị cho bài học mới, nhưng Nam mãi chơi nên quên chưa làm.

Vì sao em không
có tranh ảnh?



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 4



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 5



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 6



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 7



Em sẽ:

.....

.....

Tình huống 8













Em sẽ:

.....

.....

Bài tập 3. Hãy tô màu vào  trước những việc làm phù hợp.

Việc làm của em

-  1) Lễ phép với ông bà, bố mẹ, anh chị.
-  2) Giúp đỡ bố mẹ công việc nhà.
-  3) Hoà thuận, nhường nhịn em bé.
-  4) Quan tâm, giúp đỡ anh chị em.
-  5) Luôn nói thật.
-  6) Nhặt được của rơi, trả lại cho người đánh mất.
-  7) Chạy nhảy, chơi đùa,... ở những nơi có nguy cơ bị ngã.
-  8) Dùng các vật sắc nhọn làm đồ chơi.
-  9) Chơi đùa gần những nơi có nguy cơ gây bỏng.
-  10) Thực hiện cách phòng tránh bị điện giật.

MỤC LỤC

	TRANG
Lời nói đầu	2
Chủ đề – THỰC HIỆN NỘI QUY TRƯỜNG, LỚP	3
Bài 1: Em với nội quy trường, lớp	3
Chủ đề – SINH HOẠT NỀN NẾP	7
Bài 2: Gọn gàng, ngăn nắp	7
Bài 3: Học tập, sinh hoạt đúng giờ	11
Chủ đề – TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN	16
Bài 4: Sạch sẽ, gọn gàng	16
Bài 5: Chăm sóc bản thân khi bị ốm	19
Chủ đề – TỰ GIÁC LÀM VIỆC CỦA MÌNH	23
Bài 6: Em tự giác làm việc của mình	23
Chủ đề – YÊU THƯƠNG GIA ĐÌNH	27
Bài 7: Yêu thương gia đình	27
Bài ôn tập cuối học kì I	32
Chủ đề – QUAN TÂM, CHĂM SÓC NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH	35
Bài 8: Em với ông bà, cha mẹ	35
Bài 9: Em với anh chị em trong gia đình	39
Chủ đề – THẬT THÀ	44
Bài 10: Lời nói thật	44
Bài 11: Trả lại của rơi	47
Chủ đề – PHÒNG TRÁNH TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH	53
Bài 12: Phòng tránh bị ngã	53
Bài 13: Phòng tránh bị thương do các vật sắc nhọn	56
Bài 14: Phòng tránh bị bỏng	59
Bài 15: Phòng tránh bị điện giật	62
Bài ôn tập cuối học kì II	67

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 - 39 381 382 - Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng chủ biên

LÊ THANH HÀ

Biên tập:

HỒ THỊ THÚY KIỀU – NGUYỄN THỊ NHU

NGUYỄN THỊ THUYỀN LINH

Thiết kế sách:

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG

Trình bày bìa:

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THUYỀN LINH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà AZ Lâm Viên Complex - 107A Nguyễn Phong Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1

Mã số: VBĐĐ.....

ISBN: ...-...-...-...-...

In ... cuốn, khổ 17 x 24cm, tại Công ty ...

Địa chỉ: ...

Số xác nhận đăng kí xuất bản: ...-.../CXBIPH/...-.../ĐHSPTPHCM

Quyết định xuất bản số: .../QĐ-NXBĐHSPTPHCM ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu năm ...

Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 Cánh Diều

1. Tiếng Việt 1 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 1
3. Đạo đức 1
4. Tự nhiên và Xã hội 1
5. Giáo dục thể chất 1
6. Âm nhạc 1
7. Mỹ thuật 1
8. Hoạt động trải nghiệm 1

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 1 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang
web: <https://canhdiou.monkey.edu.vn>

ISBN 978-604-309-279-0



9 786043 092790